

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 25/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Hữu An

Ông Vy Thiện Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2017/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo **Lành Văn T**, sinh ngày 05 tháng 3 năm 1993, tại Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lành Văn T (đã chết) và bà: Triệu Thị T1, sinh năm 1964; có vợ: Nông Thị H, sinh 1996 và 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không, bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Văn Quan đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà **Triệu Thị T1**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt tại phiên tòa. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Anh Triệu Văn T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Ông Lành Văn L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 14/9/2017, Lành Văn T nhận được giấy triệu tập của Công an xã Trảng Phái Phái, huyện Văn Quan yêu cầu đến Ủy ban nhân dân xã Trảng Phái làm việc. T cho rằng mẹ mình là bà Triệu Thị T1 sinh năm 1964 ở cùng nhà với T đã tố cáo việc mình nghiện ma túy nên mới bị Công an xã Trảng Phái triệu tập, T rất bức tức cầm 02 chiếc ghế nhựa ném vào tường rồi cầm dao yêu cầu bà T1 lên công an xã cùng T nhưng bà T1 không đi. T để con dao xuống rồi đi vào bếp xin bà T1 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) mục đích để đi mua hồ sơ và mua thuốc Pharcoter (do T nghiện ma túy nên cần thuốc này uống để không bị mõi tay chân) nhưng bà T1 không nói gì mà đi về phía cửa bếp, bức tức vì bà T1 không cho tiền nên T dùng chân đá một phát vào mông bà T1 rồi dùng tay đẩy bà T1 ngã xuống nền nhà bếp, bà T1 đứng dậy thì trượt chân ngã vào máy sát thóc cạnh đó, sau khi dậy được bà T1 đi lên buồng ngủ nằm còn T đi lên phòng khách để hút thuốc lào. Do trước đó T thường thấy bà T1 để tiền trong một chiếc túi buộc ở trước bụng nên T đã nảy sinh ý định lấy bằng được túi tiền này. Khoảng 07 giờ 15 phút, T đi vào buồng nơi bà T1 đang nằm và nói với bà T1: “Đưa tiền đây cho tao” (nói bằng tiếng dân tộc), bà T1 không nói gì, T cầm chiếc chăn đang đắp trên người bà T1 giật ra rồi dùng tay trái túm lấy túi đựng tiền được buộc trước bụng bà T1 nhưng bị trượt, bà T1 ngồi dậy co hai chân trước ngực và dùng tay giữ túi tiền. T tiếp tục đưa tay trái để túm lấy túi đựng tiền của bà T1 nhưng chưa túm được thì bị bà T1 dùng tay phải nắm vào tay ngăn cản không cho T lấy tiền. T giật mạnh tay với mục đích để bà T1 bỏ tay ra, bà T1 lại dùng cả hai tay để giữ tay của T, T giật mạnh một phát nữa theo chiều từ trước ra sau làm cho bà T1 rơi từ trên giường xuống đất với tư thế ngồi, lúc này hai tay bà T1 vẫn cầm giữ tay của T nên bị T giật ra kéo đi 01 đoạn khoảng 01m bà T1 bỏ tay ra và chuẩn bị đứng dậy đi ra ngoài nhưng bị T đứng chặn trước mặt rồi tay của T túm lấy túi tiền của bà T1 giật mạnh, dây buộc túi tiền bị đứt và T cầm túi tiền chạy ra ngoài theo hướng cửa chính đồng thời cầm con dao nhọn cán gỗ T để trước hiên nhà lúc ban đầu với mục đích nếu bà T1 đuổi theo thì sẽ đe dọa, tuy nhiên bà T1 không đuổi theo nên khi ra đến gần cổng cách nhà khoảng 15m thì T để con dao xuống đất rồi đi ra ngoài đường. Khoảng 10 phút sau T quay lại nhà lấy quần áo và đón xe khách đi thành phố Lạng Sơn, khi đến nơi T lấy trong túi tiền vừa giật được của bà T1 ra 30.000đ (ba mươi nghìn đồng) để trả tiền xe, số còn lại T đếm được 2.346.000đ (hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), trong túi tiền còn có 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 đã qua sử dụng, chiếc điện thoại này là của chị Lành Thị H (con gái bà T1) mua cho bà T1 vào tháng 5/2017 với giá tiền là 320.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng). T mua thuốc, hồ sơ và tiêu sài cá nhân hết 266.000đ (hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) và bắt xe khách về nhà. Sau khi sự việc xảy ra bà Triệu Thị T1 đã trình báo Công an xã Trảng Phái. Ngày 15/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam để điều tra vụ án. Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ số tiền 2.080.000đ (hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), 01 điện thoại di động mà T đã cướp giật của bà T1; 01 túi màu xanh đậm có diện 11 x 17cm, mặt trước có khóa và in hoa; 01 con dao nhọn chuôi bằng gỗ cả chuôi dài 29cm, bản rộng 05 cm, dao đã qua sử dụng.

Đối với số tiền 296.000đ (hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng) bị cáo Lành Văn T đã sử dụng bà T1 không yêu cầu phải trả lại, không yêu cầu định giá đối với chiếc điện thoại di động. Ngày 06/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Quan đã trả lại cho bà Triệu Thị T1 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 cùng với số tiền 2.080.000đ (hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lành Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, Tòa án xét xử đúng người, đúng tội. Bị hại Triệu Thị T1 đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không có yêu cầu được trả lại 01 túi màu xanh đậm có diện 11 x 17cm, mặt trước có khóa và in hoa và 01 con dao nhọn chuôi bằng gỗ cả chuôi dài 29cm, bản rộng 05 cm, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 22/Ctr-VKS ngày 16/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan truy tố bị cáo Lành Văn T về tội cướp giật tài sản theo điểm 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý các vấn đề như sau:

- Tội danh: Bị cáo Lành Văn T phạm tội cướp giật tài sản.
- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lành Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù giam
- Hình phạt bổ sung: Xét thấy qua xác minh bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.
- Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 túi màu xanh đậm có diện 11 x 17cm, mặt trước có khóa và in hoa và 01 con dao nhọn chuôi bằng gỗ cả chuôi dài 29cm, bản rộng 05 cm.
- Trách nhiệm dân sự: Bị hại Triệu Thị T1 không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.
- Bị cáo chịu án phí hình sự theo quy định.

Bị cáo Lành Văn T và bị hại Triệu Thị T1 không có tranh luận với đề nghị của Viện kiểm sát, chỉ đề nghị cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đây là vụ án cướp giật tài sản do Lành Văn T thực hiện xảy ra tại xã Tràng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; việc khởi tố, truy tố và xét xử vụ án đúng thẩm quyền. Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát

viên, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của tố tụng trong việc điều tra, truy tố, xét xử, đảm bảo cho bị cáo được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phân tích hành vi phạm tội của bị cáo thấy như sau:

Khách thể của tội phạm là quan hệ sở hữu về tài sản của bà Triệu Thị T1 và tiền (để trong túi), đây là loại tài sản nhỏ, gọn, dễ mang đi dễ nhanh chóng tẩu thoát.

Chủ thể tội phạm: Bị cáo Lành Văn T sinh năm 1993 đã đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, không bị mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự.

Mặt khách quan của tội phạm: Bị cáo đã có hành vi công khai giật lấy túi tiền một cách nhanh chóng, sau đó nhanh chóng tẩu thoát; việc chiếm đoạt này bà Triệu Thị T1 hoàn toàn biết.

Mặt chủ quan của tội phạm: Bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp khi thực hiện hành vi, cố ý thực hiện tội phạm đến cùng. Động cơ, mục đích của bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản của bà T1 để lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lành Văn T đã thỏa mãn cấu thành cơ bản của tội cướp giật tài sản. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Chứng cứ xác định không có tội: Không có.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo đã có hành vi công khai nhanh chóng chiếm đoạt tiền của bà T1, hành vi này là nghiêm trọng xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ; mặt khác bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mẹ đẻ của mình nên đã gây ra nhiều bức xúc, bất bình trong nhân dân địa phương.

[5] Nhân thân bị cáo: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự nên được coi là có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị phát hiện bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị hại Triệu Thị T1 đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại

khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét cần áp dụng cho bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng không những vi phạm pháp luật mà còn vi phạm chuẩn mực đạo đức trong gia đình, xét cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có khả năng kinh tế, không có tài sản riêng nên không áp dụng.

[10] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Số tiền 296.000đ bị cáo đã tiêu sài bà Triệu Thị T1 không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét

[11] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra bị hại Triệu Thị T1 đã được trả lại số tiền 2.080.000đ và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280, bà Triệu Thị T1 cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 túi màu xanh đậm có diện 11 x 17cm, mặt trước có khóa và in hoa được coi là vật chứng của vụ án; còn 01 con dao nhọn chuôi bằng gỗ, cả chuôi dài 29 cm, bản rộng 05 cm đã qua sử dụng không liên quan đến việc phạm tội nên không phải là vật chứng vụ án. Cả hai tài sản này được xác định là tài sản của bà T1, bà T1 không có yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[12] Án phí : Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[13] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lành Văn T phạm Tội cướp giật tài sản.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lành Văn T 18 (mười tháng) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/9/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu xanh đậm có diện 11 x 17cm, mặt trước có khóa và in hoa; 01 con dao nhọn chuôi bằng gỗ, cả chuôi dài 29 cm, bản rộng 05 cm đã qua sử dụng.

(Các vật chứng này đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận ngày 16/11/2017)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Lành Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Văn Thái

Hoàng Hữu An Vy Thiện Hào

Triệu Văn Thái